TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2026/DS-PT
Ngày: 27 – 02 – 2026
V/v tranh chấp về dân sự –HĐ
Vay tài sản + hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Liên Hiệp

Các Thẩm phán: Bà Kiều Kim Xuân

Ông Đinh Chí Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Hồng Diễm, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trang, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08/12/2025, ngày 23/01/2026 và ngày 27/02/2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 452/2025/TLPT- DS ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc "V/v Tranh chấp về dân sự – Hợp đồng vay tài sản và hụi"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 127/2025/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố C (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 0 – Đồng Tháp) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 565/2025/QĐ-PT ngày 30 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Mỹ D, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Số nhà 0, đường 0, tổ 0, khóm T, phường C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D: Chị Lạc Hồng D, sinh năm 1990; Chị Nguyễn Lê Khương M, sinh năm 2002; Địa chỉ: tổ 0, khóm T, phường C, tỉnh Đồng Tháp.

Cùng địa chỉ liên hệ: tổ 0, khóm T, phường C, tỉnh Vĩnh Long. Hợp đồng ủy quyền ngày 14/11/2025.

Bị đơn: 1/Ông Nguyễn Hữu Tr, sinh năm 1980;

2/Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: Số nhà 0, tổ 0, khóm T, phường C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Ông Trần Huỳnh V, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số nhà 0, tổ 0, khóm T, phường C, tỉnh Đồng Tháp. Hợp đồng ủy quyền ngày 16/12/2024.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959; Địa chỉ: Số nhà 0, tổ 0, khóm T, phường C, tỉnh Đồng Tháp.

Chị D và ông V có mặt tại phiên tòa. Chị M vắng mặt. Ông Tr và bà L có đơn xin vắng mặt.

- Kháng cáo: Bà Huỳnh Thị Mỹ D là nguyên đơn và bà Nguyễn Thị Hồng N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện ngày 02/11/2024 của bà Huỳnh Thị Mỹ D; Bản trình bày ý kiến ngày 24/01/2025 và Bảng tường trình ngày 30/12/2924, ngày 14/5/2025 bà Huỳnh Thị Mỹ D; Quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị Mỹ D có chị Lạc Hồng D đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Bà Nguyễn Thị Hồng N và chồng là ông Nguyễn Hữu Tr có tham gia 05 dây hụi do bà D làm chủ. Các dây hụi do bà N và ông Tr tham gia cụ thể như sau:

1. Dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, khui ngày 21/9/2021 (âm lịch) có 24 phần. Ông Tr và bà N tham gia 02 phần, hốt hụi lần đầu vào ngày 21/9/2021 (âm lịch) số tiền là 90.000.000 đồng và hốt lần 2 ngày 21/10/2021 (âm lịch) số tiền 90.000.000 đồng. Bà N đóng được 18 lần hụi chết, còn lại 06 lần hụi chết x 02 phần, thành tiền là 60.000.000 đồng.

Hụi mãn vào ngày 21/7/2023 (âm lịch). Lãi tạm tính từ ngày 22/7/2021 (âm lịch) đến ngày 22/5/2025 (âm lịch) cụ thể là: 60.000.000 đồng x 22 tháng x 10%/năm = 10.956.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 70.956.000 đồng.

2. Dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, khui ngày 06/01/2022 (âm lịch) gồm có 24 phần. Bà N và ông Tr không tham gia dây hụi này mà ứng 03 phần hụi tương ứng với số tiền là 270.000.000 đồng. Bà D dùng tiền cá nhân đưa cho ông Tr và bà N. Tính đến ngày mãn dây hụi này là 06/11/2023 (âm lịch) thì ông Tr, bà N phải trả cho bà D tổng số tiền là 339.000.000 đồng. Nhưng ông Tr, bà N không thực hiện việc trả tiền như thỏa thuận.

Lãi tạm tính từ ngày 07/11/2022 (âm lịch) đến ngày 07/5/2025 (âm lịch) cụ thể là: 339.000.000 đồng x 18 tháng x 10%/năm = 50.646.600 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 389.646.600 đồng.

3. Dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, khui ngày 18/3/2022 (âm lịch) gồm có 24 phần. Ông Tr, bà N tham gia 01 phần, hốt hụi lần đầu vào ngày 18/3/2022 (âm lịch) số tiền là 90.000.000 đồng. Bà N đóng được 12 lần hụi chết, còn lại 12 lần hụi chết không đóng là 60.000.000 đồng. Hụi mãn vào ngày 17/01/2024 (âm lịch).

Lãi tạm tính từ ngày 19/01/2024 (âm lịch) đến ngày 19/5/2025 (âm lịch) cụ thể là: 60.000.000 đồng x 16 tháng x 10%/năm = 7.968.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 67.968.000 đồng.

4. Dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, khui ngày 10/01/2023 (âm lịch) gồm có 24 phần. Ông Tr, bà N tham gia 01 phần, hốt hụi lần đầu vào ngày 10/01/2023 (âm lịch) số tiền là 89.500.000 đồng. Bà N đóng được 13 lần hụi chết, còn lại 11 lần hụi chết không đóng là 55.000.000 đồng. Hụi mãn vào ngày 10/11/2024 (âm lịch).

Lãi tạm tính từ ngày 11/11/2024 (âm lịch) đến ngày 11/5/2025 (âm lịch) cụ thể là: 55.000.000 đồng x 6 tháng x 10%/năm = 2.739.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 57.739.000 đồng.

5. Dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, khui ngày 26/02/2023 (âm lịch) gồm có 24 phần. Ông Tr, bà N tham gia 02 phần. Hụi mãn ngày 16/12/2024 (âm lịch). Bà D rút yêu cầu khởi kiện đối với dây hụi này.

Ngoài ra, vào ngày 08/3/2022 bà D còn cho bà N, ông Tr vay số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), mức lãi suất 1%/tháng = 3.000.000 đồng. Bà N có làm biên nhận. Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên ông Tr, bà N có thế chấp cho bà D 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (bản chính), diện tích 152,7m² gồm đất ở 75 m²; đất cây lâu năm 77,7 m², thửa đất số 353, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại xã Tịnh T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 08/12/2021.

Bà N, ông Tr có đóng lãi tiền vay đến tháng 07/2023 âm lịch.

Nay bà D yêu cầu bà N, ông Tr có trách nhiệm liên đới trả số tiền vốn lả 300.000.000 đồng và mức lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng, tính từ ngày 20/9/2023 dương lịch đến 20/6/2025 = 21 tháng, thành tiền là 63.000.000 đồng.

Bà D đồng ý trả lại cho bà N, ông Tr giấy chứng nhận quyền sử dụng (bản chính) đã thế chấp cho bà D.

**** Tại Đơn phản tố ngày 20/01/2025 của bà Nguyễn Thị Hồng N; Văn bản ý kiến ngày 18/8/2025 của bà Nguyễn Thị Hồng N; Quá trình giải quyết vụ án; Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Hồng N có ông Trần Huỳnh V đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Bà N và ông Nguyễn Hữu Tr là vợ chồng.

Ông Tr thường xuyên đi làm xa ở thành phố Hồ Chí Minh nên việc bà N tham gia hụi và vay tiền của bà D thì bà N tự làm. Bà N không có thông báo cho ông Tr biết. Vì vậy, bà N không đồng ý với yêu cầu của bà D về việc ông Tr liên đới cùng bà N trả nợ cho bà D.

Bà N thừa nhận có tham gia 03 dây hụi do bà D làm chủ, bao gồm:

- Dây hụi 5.000.000 đồng, khui lần đầu ngày 21/9/2021 âm lịch, có 24 phần. Bà N tham gia 02 phần. Dây hụi này bà N nuôi, không hốt như lời trình

bày của bà D. Hụi mãn vào tháng 07/2023 âm lịch (năm 2023 có 02 tháng hai vì là năm nhuận) và bà N hốt chót được 220.000.000 đồng, trừ hoa hồng mỗi chân là 2.500.000 đồng. Vì vậy, bà D phải giao cho bà N số tiền 215.000.000 đồng.

- Dây hụi 5.000.000 đồng, khui lần đầu ngày 18/3/2022 âm lịch, có 24 phần. Bà N tham gia 01 phần. Bà N hốt lần thứ 05 được số tiền 96.000.000 đồng, trừ hoa hồng 2.500.000 đồng, còn lại 93.500.000 đồng. Bà N có đóng hụi chết đến tháng 01/2023.

- Dây hụi 5.000.000 đồng, khui lần đầu ngày 10/01/2023 âm lịch, có 24 phần. Bà N tham gia 01 phần. Bà N hốt lần thứ 02 được số tiền 93.000.000 đồng, trừ hoa hồng 2.500.000 đồng, còn lại 90.500.000 đồng. Phần hụi này bà D không có giao hụi cho bà N mà trừ trực tiếp vào nợ hụi chết của dây hụi ngày 18/3/2022 âm lịch với số tiền là 65.000.000 đồng; còn lại 25.500.000 đồng bà D giữ lại và trừ 05 hụi chết tiếp theo của dây hụi ngày 10/01/2023 âm lịch. Bà N tiếp tục đóng hụi chết đến ngày 10/12/2023 (năm 2023 có 02 tháng hai âm lịch vì là năm nhuận) được 13 lần, còn lại 11 lần hụi chết là 55.000.000 đồng.

Bà N đồng ý trả cho bà D tiền hụi 55.000.000 đồng của dây hụi ngày 10/01/2023 và tiền lãi theo yêu cầu của bà D

Tuy nhiên, bà N yêu cầu bà D trả cho bà N số tiền hụi của dây hụi khui ngày 21/9/2021 với số tiền là 215.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 21/7/2023 âm lịch đến ngày Tòa án xét xử là 21 tháng 15 ngày với lãi suất 0,83%/tháng thành tiền 31.228.000 đồng. Tổng số tiền vốn lãi là 363.000.000 đồng (tiền vay vốn lãi) + 57.739.000 đồng (tiền hụi) = 420.739.000 đồng – 206.228.000 đồng (bà N tự tính không giải trình được) = 214.511.000 đồng, yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi trả xong.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà D tự nguyện trả nên bà N không có ý kiến.

**** Theo Văn bản ý kiến không ngày tháng năm 2025 của ông Nguyễn Hữu Tr là bị đơn của vụ án, ông Tr trình bày:***

Việc bà Huỳnh Thị Mỹ D khởi kiện ông Tr và vợ ông là bà Nguyễn Thị Hồng N cùng liên đới trả cho bà D số tiền 1.257.163.000 đồng là tiền hụi và tiền nợ là không có căn cứ. Bởi vì, ông Tr thường xuyên đi làm ăn xa ở thành phố Hồ Chí Minh nên việc bà N có tham gia hụi và vay tiền của bà D như thế nào ông Tr không rõ. Ông Tr không biết việc này nên ông không đồng ý liên đới cùng vợ là bà Nguyễn Thị Hồng N trả cho bà D số tiền mà bà D khởi kiện.

Ông Tr không đồng ý liên đới cùng bà Nguyễn Thị Hồng N trả cho bà D tổng số tiền là 1.257.163.000 đồng.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu phản tố ngày 25/4/2025 và trình bày:***

Bà L là mẹ của bà Nguyễn Thị Hồng N.

Dây hụi do bà D làm chủ khui ngày 26/02/2023 âm lịch bà L có tham gia và đóng được 07 lần với số tiền là 70.000.000 đồng. Bà L yêu cầu bà D trả cho

số tiền hụi đã đóng là 70.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Trong quá trình xét xử sơ thẩm, vào ngày 24/6/2025 bà L có đơn rút lại yêu cầu khởi kiện nêu trên.

* Tại Quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 127/2025/DS-ST ngày 25/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Nay Tòa án nhân dân khu vực 0 - Đồng Tháp) quyết định:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Mỹ D.

2/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Mỹ D yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng N, ông Nguyễn Hữu Tr, bà Nguyễn Thị L liên đới trả số tiền hụi của dây hụi ngày 26/02/2023 (âm lịch) số tiền vốn là 190.000.000 đồng.

3/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị Mỹ D trả cho bà L tiền hụi chưa giao của dây hụi ngày 26/02/2023 (âm lịch) số tiền vốn là 70.000.000 đồng.

4/ Buộc bà Nguyễn Thị Hồng N, ông Nguyễn Hữu Tr phải liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Mỹ D số tiền vay gốc 300.000.000 đồng + tiền lãi tính đến ngày xét xử là 63.000.000 đồng. Tổng cộng 363.000.000 đồng (ba trăm sáu mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm thì bà N, ông Tr còn phải tiếp tục chịu lãi của số tiền vay theo mức lãi thỏa thuận hai bên là 1%/tháng.

5/ Buộc bà Nguyễn Thị Hồng N, ông Nguyễn Hữu Tr phải liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Mỹ D số tiền hụi của dây hụi khui ngày 18/3/2022 âm lịch là 67.968.000 đồng (vốn 60.000.000 đồng + lãi 7.968.000 đồng) và số tiền hụi của dây hụi khui ngày 10/01/2023 âm lịch là 57.739.000 đồng (vốn 55.000.000 đồng + lãi 2.739.000 đồng). Tổng cộng: 125.707.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm lẻ bảy ngàn đồng) (vốn 115.000.000 đồng + lãi 10.707.000 đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

6/ Ghi nhận sự tự nguyện của bà D về việc trả lại cho ông Tr, bà N 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (bản chính), diện tích 152,7m² (đất ở 75 m²; đất cây lâu năm 77,7 m²), thửa 353, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 08/12/2021 do ông Tr, bà N đứng tên.

7/ Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Hồng N, ông Nguyễn Hữu Tr phải liên đới chịu 23.548.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.133.000 đồng theo biên lai thu số 0013260 ngày 21/01/2025 của Chi cục

Thi hành án dân sự thành phố C. Bà N, ông Tr còn phải nộp tiếp số tiền 17.415.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền yêu cầu thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Kháng cáo:

+ Ngày 09/7/2025, bà Huỳnh Thị Mỹ D là nguyên đơn kháng cáo một phần quyết định bản án: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm và chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với dây hụi ngày 21/9/2021 (âm lịch) và dây hụi khui ngày 06/01/2022 (âm lịch). Buộc bà N và ông T liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số tiền nợ tương ứng cùng 02 dây hụi nêu trên là 460.602.600 đồng (Bốn trăm sáu mươi triệu sáu trăm lẻ hai nghìn đồng).

+ Ngày 11/7/2025, bà Nguyễn Thị Hồng N là bị đơn kháng cáo một phần quyết định bản án: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại đối với 02 dây hụi ngày 21/9/2021 (âm lịch), dây hụi ngày 10/01/2023 (âm lịch) và chấp nhận yêu cầu phản tố của bà N.

* Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị Mỹ D và một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng N; Sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đã được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị Mỹ D là nguyên đơn và bà Nguyễn Thị Hồng N, là bị đơn của vụ án trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Bà Huỳnh Thị Mỹ D và bà Nguyễn Thị Hồng N kháng cáo với nội dung:

+ Ngày 09/7/2025, bà Huỳnh Thị Mỹ D là nguyên đơn kháng cáo một phần quyết định bản án: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm và chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với dây hụi ngày 21/9/2021 (âm lịch) và dây hụi khui ngày 06/01/2022 (âm lịch). Buộc bà N và ông Tr liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số tiền nợ tương ứng cùng 02 dây hụi nêu trên là 460.602.600 đồng (Bốn trăm sáu mươi triệu sáu trăm hai nghìn sáu trăm đồng).

+ Ngày 11/7/2025, bà Nguyễn Thị Hồng N là bị đơn kháng cáo một phần quyết định bản án: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại đối với 02 dây hụi

ngày 21/9/2021 (âm lịch), dây hụi ngày 10/01/2023 (âm lịch) và chấp nhận yêu cầu phản tố của bà N.

Qua chứng cứ thể hiện tại hồ sơ, lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa cho thấy:

[2.1] Xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị Mỹ D:

[2.1.1] Đối với dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, khui hụi ngày 21/9/2021 (âm lịch).

Bà D cho rằng: dây hụi khui ngày 21/9/2021 (âm lịch), hụi 5.000.000 đồng, gồm có 24 phần. Bà N tham gia 02 phần, tại sổ hụi có thể hiện tên bà N. Bà N thừa nhận có tham gia 02 chân hụi này với bà D.

Bà D kháng cáo và cho rằng bà N hốt hụi lần đầu ngày 21/9/2021 (âm lịch) được số tiền 90.000.000 đồng và hốt hụi lần 2 ngày 21/10/2021 (âm lịch) được số tiền 90.000.000 đồng. Bà N còn thiếu 06 lần hụi chết chưa đóng của hai chân hụi này là 60.000.000 đồng.

Bà N cho rằng hai chân hụi này bà nuôi hụi để hốt cuối sẽ được số tiền 220.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng còn 215.000.000 đồng nên yêu cầu bà D trả số tiền hụi bà D chưa giao.

Chứng cứ và trình bày của bà D xác định bà N đã hốt hụi, nhưng không chứng minh được bà N đã hốt hụi lần đầu và lần thứ 2, quá trình đóng hụi chết ra sao. Bà N cũng không thừa nhận đã hốt hai chân hụi của dây hụi này.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận khởi kiện của bà D yêu cầu bà N trả tiền 02 chân hụi chết chưa đóng của dây hụi ngày 21/9/2021 (âm lịch) là 60.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp. Vì vậy, kháng cáo của bà D đối với dây hụi ngày 21/9/2021 (âm lịch) là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.1.2] Đối với kháng cáo của bà D về việc cho bà N mượn hụi 5.000.000 đồng/tháng, ngày 06/01/2022 (âm lịch)

Trong quá trình Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý và xem xét, giải quyết vụ án, bà D có xuất trình được 01 biên nhận nợ hụi. Bà D chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà đối với dây hụi khui ngày 06/01/2022 (âm lịch) mà bà N mượn. Bà D xác định biên nhận này do bà N viết. Biên nhận nợ hụi (bản chính) có nội dung như sau:

"Bắt đầu M 6/2 AL2022 đóng bù hụi

3 phần Mùng 6. 270.000.000 đ

300.000.000 đ đóng lãi

Đóng dây ngày 21 hàng tháng 10tr".

Vào ngày 25/12/2025, bà N có văn bản ý kiến không thừa nhận nội dung tại biên nhận nêu trên.

Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành triệu tập hợp lệ đối với bà N 02 lần đến Tòa án để cung cấp mẫu chữ viết và tài liệu, chứng cứ chứng minh đối với biên nhận nợ hụi nêu trên nhưng bà N không có mặt theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 23/01/2026, bà N có ông V đại diện theo ủy quyền đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để bà Nguyễn Thị Hồng N nộp đơn thực hiện thủ tục giám định chữ viết của bà N trong thời hạn 07 ngày làm việc. Tuy nhiên, quá thời hạn nêu trên bà N cũng không nộp đơn yêu cầu giám định chữ viết và các thủ tục theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự thì việc bà N không thừa nhận nội dung và chữ viết của bà tại biên nhận nợ hụi ngày 06/02/2022 (âm lịch) nhưng không có chứng cứ chứng minh. Do đó, kháng cáo của bà D đối với nợ hụi ngày 06/01/2022 (âm lịch) là có căn cứ, phù hợp nên chấp nhận.

[2.2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng N

[2.2.1] Bà N yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại đối với dây hụi ngày 21/9/2021 (âm lịch):

Xét thấy: Bà N cho rằng hai chân hụi ngày 21/9/2021 (âm lịch) bà nuôi hụi để hốt cuối sẽ được số tiền 220.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng còn 215.000.000 đồng nên yêu cầu bà D trả số tiền hụi bà D chưa giao.

Tuy nhiên, khi bà D khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án bà D có xuất trình các tin nhắn zalo trao đổi giữa bà D và bà N về các khoản tiền bà N còn nợ; nội dung các tin nhắn nêu trên bà N hoàn toàn không đề cập đến việc bà D chưa giao tiền hụi cho bà, cũng như việc bà N có đề nghị khấu trừ tiền hụi cuối của hai chân hụi ngày 21/9/2021 (âm lịch) vào các khoản nợ chưa thanh toán cho bà D. Trong khi đó, theo xác định của bà N có ông V đại diện theo ủy quyền thì bà D phải giao hụi cuối cho bà N vào tháng 07/2023 nhưng bà N không có giấy tờ, tài liệu, tin nhắn chứng minh cho việc thỏa thuận giao – không giao hụi cuối này.

Bà N yêu cầu phản tố và kháng cáo cho rằng chưa hốt hai chân hụi của dây hụi ngày 21/9/2021 (âm lịch), yêu cầu bà D trả cho bà N số tiền 215.000.000 đồng. Theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự phải có nghĩa vụ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ, hợp pháp. Bà N yêu cầu phản tố nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh có sự thỏa thuận với bà D để cho bà N hốt cuối hai dây hụi, cũng không chứng minh được việc bà D chưa giao hụi cho bà.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà N là có căn cứ và phù hợp.

[2.2.2] Đối với dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, khui hụi ngày 10/01/2023 (âm lịch)

Bà N yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm xem xét việc bà N tham gia dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, khui hụi ngày 10/01/2023 (âm lịch), gồm 24 phần. Bà N trình bày: Bà tham gia 01 phần, hốt hụi lần đầu ngày 10/01/2023 (âm lịch) số tiền 89.500.000 đồng. Số lần hụi chết đã đóng là 13 lần, số lần hụi chết không đóng là 11 lần.

Bà N cho rằng đã hốt ngày 10/02/2023 âm lịch thì bà D báo với bà N là bà N hốt hụi được 93.000.000 đồng, trừ hoa hồng 2.500.000 đồng còn lại

90.500.000 đồng nhưng tiền hốt hụi này bà D không có giao tiền cho bà N mà để trừ các lần hụi chết của các dây hụi khác.

Xét thấy: Việc bà N cho rằng đã hốt hụi nhưng bà D không giao tiền hụi mà trừ các lần hụi chết khác. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày của bà N thì không có chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu và kháng cáo của bà.

Tòa án sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu phản tố này của bà N là có căn cứ và phù hợp.

[3] Xét ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ một phần đối với việc bà N mượn nợ hụi của bà D là 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng); không có căn cứ đối với 02 chân hụi của dây hụi ngày 21/9/2021 (âm lịch) do bà N yêu cầu là 215.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị. Sửa bản án sơ thẩm.

Từ những nhận xét trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bà Huỳnh Thị Mỹ D là có căn cứ một phần nên chấp nhận một phần kháng cáo của bà D. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng N.

Sửa bản án sơ thẩm.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Do sửa bản án dân sự sơ thẩm nên bà Huỳnh Thị Mỹ D và bà Nguyễn Thị Hồng N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91, Điều 147, Khoản 2 Điều 148 và Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 471 của Bộ luật Dân sự;

Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Huỳnh Thị Mỹ D.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng N.

3. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 127/2025/DS-ST ngày 25/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 0 – Đồng Tháp).

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Mỹ D.

5. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Mỹ D yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng N, ông Nguyễn Hữu Tr, bà Nguyễn Thị L liên đới trả số tiền hụi của dây hụi ngày 26/02/2023 (âm lịch) số tiền vốn là 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng).

6. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Hồng N.

7. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị Mỹ D trả cho bà L tiền hụi chưa giao của dây hụi ngày 26/02/2023 (âm lịch) số tiền vốn là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

8. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Hữu Tr có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Mỹ D số tiền vay vốn lãi là 363.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm thì bà N, ông Tr còn phải tiếp tục chịu lãi suất của số tiền vốn vay theo mức lãi thỏa thuận hai bên là 1%/tháng.

9. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Hữu Tr có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Mỹ D số tiền hụi tổng cộng là 125.707.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm bảy nghìn đồng).

10. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng N, ông Nguyễn Hữu Tr có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Mỹ D số tiền mượn hụi là 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

11. Ghi nhận sự tự nguyện của bà D về việc trả lại cho ông Tr, bà N 01 (Một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (bản chính) số DC 240727, số vào sổ cấp GCN: CS05105, diện tích 152,7m² (đất ở 75,0m²; đất trồng cây lâu năm 77,7m²), thửa đất số 353, tờ bản đồ số 33; Đất tọa lạc tại xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp cho ông Nguyễn Hữu Tr và bà Nguyễn Thị Hồng N vào ngày 08/12/2021.

12. Về án phí:

- Bà Huỳnh Thị Mỹ D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Hồng N không phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Nguyễn Thị Hồng N được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006523 ngày 18/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Nguyễn Thị Hồng N, ông Nguyễn Hữu Tr phải liên đới chịu 34.348.000 đồng (Ba mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.133.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013260 ngày 21/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Nay

là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 0 – Đồng Tháp). Như vậy, bà N và ông Tr còn phải nộp tiếp số tiền 28.215.000 đồng (Hai mươi tám triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng).

13. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Phòng TT,KT &THA TAT
- VKSND Tỉnh;
- Thi hành án dân sự Tỉnh;
- Tòa án ND khu vực 0;
- Phòng THADS khu vực 0;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phạm Thị Liên Hiệp